

KWACO



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG



MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 4 Định hướng phát triển
- 5 Các rủi ro

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tổ chức và nhân sự
- 3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 4 Tình hình tài chính
- 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- 2 Tình hình tài chính
- 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 5 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị


05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1 Hội đồng quản trị
- 2 Ban Kiểm soát
- 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

06

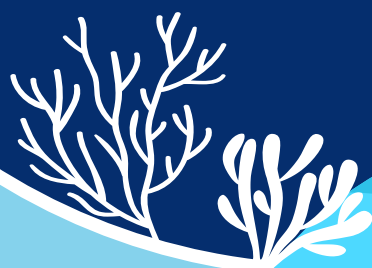
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1 Ý kiến kiểm toán
 - 2 Báo cáo tài chính được kiểm toán
- 

1

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát 1
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 2
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 3
- Định hướng phát triển 4
- Các rủi ro 5





THÔNG TIN CHUNG

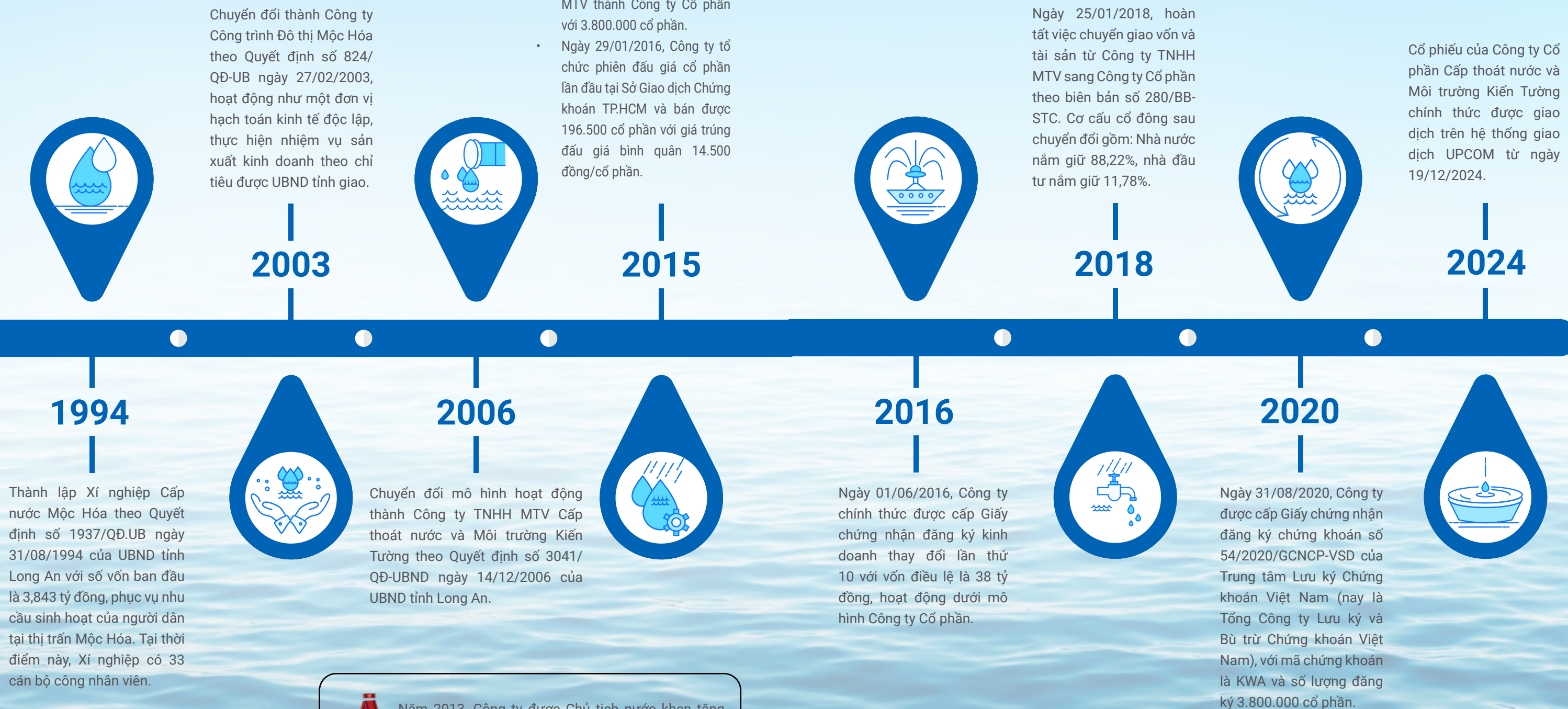
Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG
Tên tiếng anh	KIEN TUONG WATER SUPPLY SEWERAGE AND ENVIRONMENT JOINT COMPANY
Tên viết tắt	KWACO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1100583607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 04/01/2007, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 01/06/2016.
Vốn điều lệ	38.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	38.000.000.000 đồng
Địa chỉ	Số 119 Bạch Đằng, khu phố 2, Phường 2, Thị xã Kiến Tường, Tỉnh Long An, Việt Nam
Số điện thoại	(0272) 3841 246
Số fax	(0272) 3842 152
Website	kwaco-capnuockientuong.com/
Mã cổ phiếu	KWA





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường tiền thân là Xí nghiệp Cấp nước Mộc Hóa, được hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn theo định hướng phát triển của tỉnh Long An và chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Quá trình phát triển của Công ty cụ thể như sau:



Trải qua hơn 30 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện mô hình tổ chức, đẩy mạnh cổ phần hóa, hướng đến hoạt động minh bạch, hiệu quả và phục vụ tốt nhu cầu cấp thoát nước, bảo vệ môi trường trên địa bàn thị xã Kiến Tường và các khu vực lân cận; từng bước trưởng thành và đã trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy của quý khách hàng trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất – kinh doanh.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên đơn vị trực thuộc
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3600 (Chính)	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường được UBND tỉnh Long An giao nhiệm vụ sản xuất cung cấp nước sinh hoạt và dịch vụ đô thị phục vụ nhân dân trên địa bàn khu vực Đồng Tháp Mười bao gồm các huyện Mộc Hóa, Thị xã Kiến Tường.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm; kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát; quyết định những vấn đề khác được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị (HĐQT):

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu với nhiệm kỳ không quá 05 năm, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban Kiểm soát (BKS):

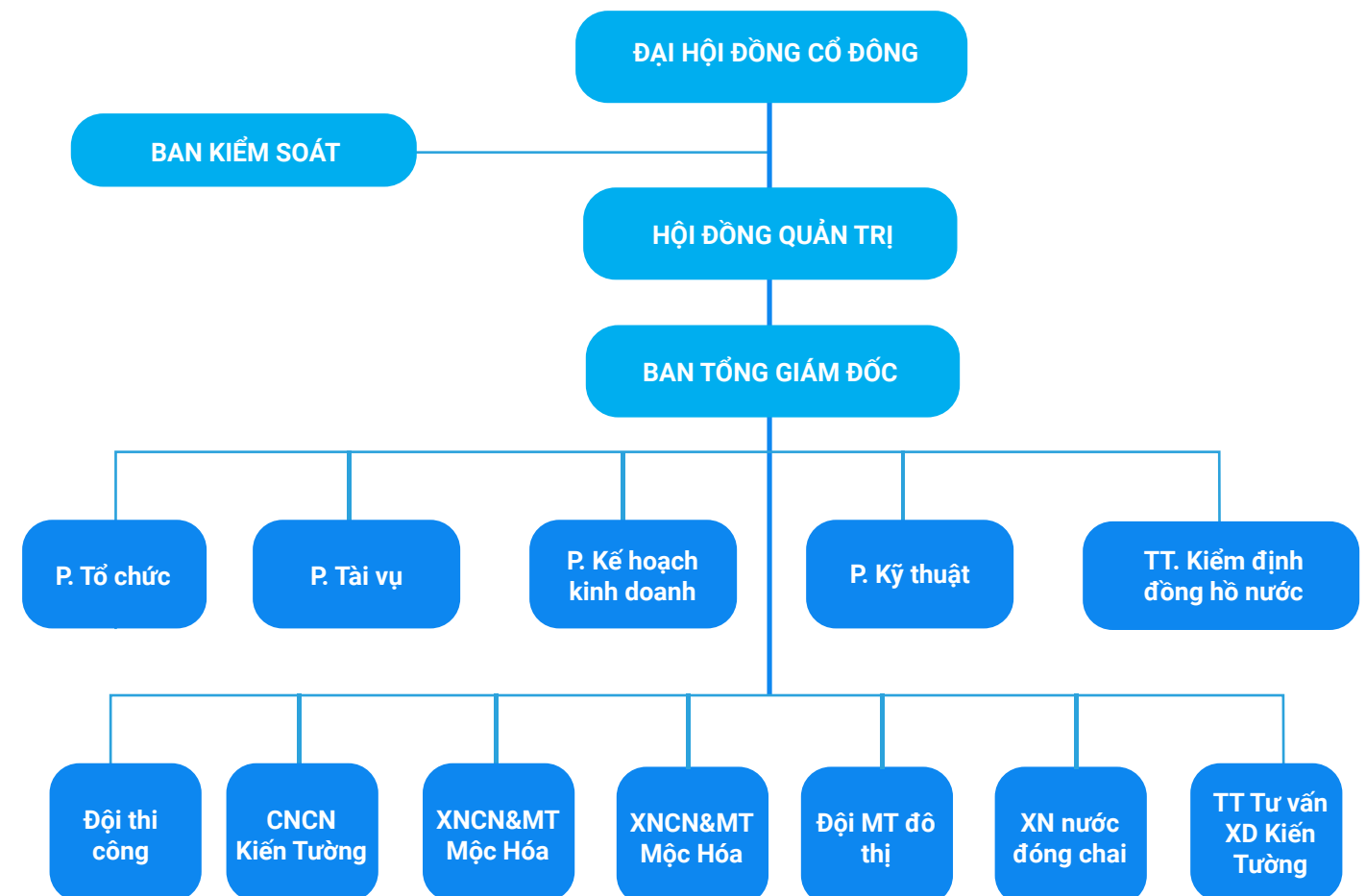
Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu với nhiệm kỳ không quá 05 năm, là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của BKS do Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban Tổng Giám đốc (BTGD):

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 01 TGD và 02 PTGD, trong đó:

Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ mọi hoạt động Công ty, đồng thời có thể chỉ đạo trực tiếp các Phòng hoặc thông qua Phó Tổng Giám đốc phụ trách. Giao trách nhiệm và ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc theo từng lĩnh vực để chỉ đạo các đơn vị trực thuộc;

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp các Phòng nghiệp vụ đã được phân công; thay mặt Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc về các lĩnh vực chuyên môn mà mình phụ trách và đưa ra quyết định cuối cùng về công tác chuyên môn đó.





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường – Trung tâm Tư vấn Xây dựng Kiến Tường	Số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Mã số văn phòng đại diện: 1100583607-003
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường – Xí nghiệp Công trình Giao thông	Số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Mã số chi nhánh: 1100583607-004
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường – Trung tâm Đấu giá Kiến Tường	Số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Mã số văn phòng đại diện: 1100583607-005



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Ưu tiên phát triển nguồn cung cấp nước đồng bộ với công tác đầu tư phát triển hệ thống mạng lưới tuyến ống (ưu tiên các tuyến ống truyền chính).
- Nâng tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch, mở rộng phát triển mạng lưới tuyến ống cấp nước trong vùng phủ của Công ty, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cấp UBND để phát triển mạng lưới cấp nước tại các địa phương.
- Duy trì tỷ lệ thất thoát nước của Công ty dưới 20%.
- Duy trì áp lực và lưu lượng nước trên toàn mạng lưới, đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục, chất lượng nước đạt đúng quy định.
- Ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ tự động hóa, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng trong hệ thống quản lý cấp nước của Công ty.
- Chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo phương hướng kế hoạch được ĐHCĐ năm 2024 thông qua.
- Đồng bộ hóa phát triển: Mở rộng năng lực sản xuất của các nhà máy nước song hành cùng việc đầu tư vào hệ thống truyền dẫn và phân phối, đảm bảo nguồn nước luôn sẵn sàng đến mọi nơi.
- Kiểm soát chất lượng nguồn nước: Ưu tiên hàng đầu việc bảo vệ và quản lý nguồn nước, cam kết cung cấp nước sạch, an toàn và liên tục với đủ sản lượng và chất lượng cao nhất.
- Phủ sóng nước sạch: Nỗ lực tối đa để 100% hộ dân được tiếp cận nguồn nước sạch, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đặt khách hàng làm trung tâm.
- Giảm thất thoát, tăng hiệu quả: Tập trung lãnh đạo và quyết liệt thực hiện chương trình giảm thất thoát nước theo lộ trình, hướng tới mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát xuống 20% vào năm 2025.



- Nâng tầm nguồn nhân lực: Xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ trong quản lý và điều hành. Mở rộng hợp tác trong và ngoài nước để phát triển cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ đạt chuẩn quốc tế.
- Quản trị tài chính minh bạch: Thực hành quản lý tài chính lành mạnh, triệt để tiết kiệm chi phí và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.
- Nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty: Phát huy truyền thống đoàn kết, phát huy chế độ đãi ngộ chú trọng, sự phối hợp giữa Ban điều hành và các đơn vị chức năng để đảm bảo thực hiện đầy đủ các yêu cầu, điều kiện để người lao động có thu nhập ổn định, khuyến khích sự sáng tạo, nâng cao trình độ nghề nghiệp và phát triển Công ty.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Đẩy mạnh đầu tư và mở rộng: Triển khai liên tục các dự án đầu tư nâng công suất, cải tạo nhà máy xuống cấp, và phát triển mạng lưới cấp nước. Mục tiêu là hoàn thành việc cấp nước sạch cho 100% người dân thông qua việc gia tăng độ bao phủ và phát triển khách hàng có mục tiêu.
- Ứng dụng công nghệ giảm thất thoát: Từng bước áp dụng khoa học công nghệ vào vận hành sản xuất, quản lý khách hàng và quản lý hệ thống một cách hiệu quả. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc lộ trình kiểm soát thất thoát nước hàng năm, với mục tiêu giảm dần tỷ lệ thất thoát xuống mức thấp nhất có thể.
- Quản lý chi phí và giá nước hợp lý: Rà soát chi phí hoạt động hàng năm để đảm bảo việc điều chỉnh giá nước tuân thủ đúng quy định. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ giá nước nhằm đạt được mức giá bình quân tối ưu, đảm bảo hài hòa lợi ích của người dân và doanh nghiệp.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- KWACO luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội là yếu tố tạo nền tảng cho sự thành công lâu dài của Công ty.
- Trách nhiệm vì môi trường:
 - Trong năm 2024, Công ty không bị phạt vì vi phạm pháp luật về môi trường.
 - Các dự án công trình của Công ty đều thực hiện cấp giấy phép môi trường, nộp thuế tài nguyên và phí môi trường theo đúng quy định.
 - Công ty thực hiện trồng cây xanh xung quanh môi trường làm việc, nhà ở nhằm tạo không gian làm việc xanh – sạch, góp phần bảo vệ không khí môi trường nơi làm việc.
- Trách nhiệm vì xã hội và cộng đồng:
 - Công ty phấn đấu nỗ lực thi đua trong phong trào thi đua lao động sản xuất và tham gia thực hiện chính sách an sinh xã hội; thực hiện tốt các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh; lợi nhuận, nộp ngân sách và thu nhập người lao động tăng trưởng cao; đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động được thực hiện đầy đủ theo luật định và Thỏa ước lao động tập thể; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện đúng, đủ theo quy định của pháp luật; các hoạt động tổ chức Đảng, Công đoàn và đoàn thể được đánh giá trong sạch, vững mạnh toàn diện...
 - Công ty thường xuyên tổ chức, thăm hỏi và động viên nhân dịp ngày tết Nguyên Đán.
 - Công ty tham gia các phong trào thi đua yêu nước do Tỉnh phát động nhằm kết nối các doanh nghiệp để trao đổi, học hỏi lẫn nhau, nỗ lực phấn đấu, thi đua trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế, an ninh trật tự, văn hóa - giáo dục và đảm bảo an sinh xã hội của Tỉnh.

RỦI RO KINH TẾ

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, GDP của Việt Nam trong năm 2024 đã tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong tổng mức tăng giá trị tăng thêm của nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, còn khu vực dịch vụ tăng 7,38%. Nhìn chung, nền kinh tế Việt Nam được đánh giá là có mức tăng trưởng tích cực và đạt được các mục tiêu mà Quốc hội đã đề ra. Tuy nhiên, trong năm 2024, tình hình kinh tế vẫn còn đối mặt với những khó khăn, khi các yếu tố rủi ro vĩ mô từ bên ngoài tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế trong nước. Các biến động như căng thẳng thương mại, chiến tranh, và lạm phát dự báo sẽ tiếp tục căng thẳng hơn trong năm 2025, kéo theo sự suy giảm của kinh tế toàn cầu, điều này sẽ tác động đến nền kinh tế Việt Nam.

Mặc dù hoạt động trong lĩnh vực thiết yếu phục vụ xã hội, các yếu tố vĩ mô không phải là rủi ro trực tiếp và mạnh mẽ ảnh hưởng đến ngành cấp nước. Tuy nhiên, KWACO nhận thức rõ rằng, khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh hơn trong tương lai, nhu cầu sử dụng nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất cũng sẽ tăng lên.

Hiện nay, Việt Nam đang hướng đến mục tiêu đạt tỷ lệ tiếp cận nước sạch 100% ở khu đô thị, với mức tiêu

thụ chuẩn là 120 lít/người/ngày theo quy hoạch phát triển cấp nước cho các khu đô thị và công nghiệp đến năm 2025. Thực tế, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng tại Việt Nam đang tạo ra áp lực lớn đối với hệ thống cấp nước hiện tại. Sự gia tăng dân số đô thị không chỉ làm tăng nhu cầu sử dụng nước mà còn gây quá tải cho cơ sở hạ tầng cấp nước, đặc biệt là tại các thành phố lớn.

Trước áp lực gia tăng nhu cầu sử dụng nước sạch từ cộng đồng, KWACO đã thực hiện các biện pháp chủ động và khoa học để giảm thiểu rủi ro kinh tế, bao gồm:

- Đánh giá chính xác nhu cầu sử dụng nước hiện tại và dự báo xu hướng tương lai để xây dựng kế hoạch khai thác, phân phối hợp lý, tránh tình trạng quá tải nguồn cung.
- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về việc tiết kiệm nước và sử dụng tài nguyên bền vững, từ đó giảm bớt áp lực lên hệ thống cấp nước.
- Phối hợp với chính quyền địa phương để kiểm soát việc khai thác nước ngầm và bảo vệ nguồn nước tự nhiên.

Thông qua những biện pháp này, KWACO cam kết đảm bảo sự ổn định và bền vững cho hệ thống cấp nước, đồng thời thích ứng với những biến động kinh tế trong giai đoạn tới.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước, hiện nay hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCoM), KWACO phải tuân thủ các quy định, văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Quản lý Thuế cùng các Nghị định, Thông tư liên quan.

Bên cạnh đó, với hoạt động trong lĩnh vực cung cấp và xử lý nước, Công ty cũng phải tuân thủ các quy định pháp luật đặc thù của ngành, bao gồm Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, cũng như các tiêu chuẩn và điều kiện về an toàn và chất lượng nước sạch.

Trong bối cảnh pháp luật ngày càng được hoàn thiện và cập nhật liên tục, nhiều quy định mới có tác động trực tiếp đến hoạt động của KWACO. Ví dụ, Luật số 56/2024/QH15 (ban hành ngày 29/11/2024, có hiệu lực từ 01/01/2025) sửa đổi, bổ sung một số điều trong các luật như Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, và Luật Quản lý Thuế. Những thay đổi này yêu cầu KWACO phải liên tục cập nhật và điều chỉnh các hoạt động của mình để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật. Bên cạnh đó,

hệ thống pháp luật liên quan đến ngành cấp thoát nước cũng liên tục được cập nhật và điều chỉnh, gây khó khăn trong việc theo dõi và thực hiện đúng đắn các quy định. Những thay đổi về giá nước sạch, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, và các khoản thuế liên quan có thể ảnh hưởng đến hoạt động tài chính và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

Để giảm thiểu rủi ro pháp lý và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, Công ty đã xây dựng một hệ thống tuân thủ pháp luật toàn diện. Hệ thống này bao gồm việc xin cấp phép khai thác nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước, kiểm soát chất lượng nước đầu ra để đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn, cũng như thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường theo Luật Môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty hợp tác với các đơn vị tư vấn chuyên môn để giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến chứng khoán và ngành nghề kinh doanh. Đồng thời, Công ty chủ động phòng ngừa các tranh chấp có thể phát sinh liên quan đến quyền sử dụng nguồn nước, ô nhiễm hoặc xâm phạm tài nguyên.





CÁC RỦI RO

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

RỦI RO THẤT THOÁT NƯỚC

Nguyên nhân thất thoát nước sạch trong hoạt động của Công ty thường xuất phát từ nhiều yếu tố, bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan:

- Một trong những nguyên nhân chính là tình trạng xuống cấp của hệ thống đường ống dẫn nước, đặc biệt ở những khu vực có cơ sở hạ tầng cũ hoặc chưa được đầu tư nâng cấp. Các đường ống bị rò rỉ, nứt vỡ không chỉ gây lãng phí nguồn nước mà còn làm giảm áp lực nước đến người dùng cuối. Ngoài ra, việc quản lý và giám sát mạng lưới cấp nước chưa hiệu quả cũng góp phần làm gia tăng thất thoát, chẳng hạn như thiếu các thiết bị đo đếm hiện đại hoặc sai số trong đồng hồ nước. Yếu tố tự nhiên như địa hình phức tạp, lún sụt đất, hay tác động từ biến đổi khí hậu cũng khiến hệ thống dễ hư hỏng hơn. Đặc biệt, tình trạng sử dụng nước trái phép và câu móc bất hợp pháp vào đường ống là một nguyên nhân phổ biến, gây tổn thất lớn cho doanh nghiệp.
- Tỷ lệ thất thoát nước càng cao sẽ tác động trực tiếp đến biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro thất thoát nước, Công ty đã lên kế hoạch đào tạo nhân viên kỹ thuật vận hành và xử lý sự cố một cách chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát định kỳ hệ thống đường ống và thiết bị. Việc ứng dụng công nghệ thông minh, chẳng hạn như hệ thống SCADA, giúp phát hiện sớm các vấn đề và giảm thiểu sai sót. Quan trọng hơn, Công ty còn tập trung xây dựng văn hóa chủ động báo cáo và khắc phục sự cố, qua đó đảm bảo hiệu quả quản lý và cung cấp nước ổn định.
- Đồng thời, Công ty triển khai phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để xử lý các vấn đề như sử dụng nước trái phép hoặc xâm phạm hệ thống cấp nước. Công ty cũng xây dựng kế hoạch dự phòng ứng phó với biến đổi khí hậu, chẳng hạn như gia tăng trữ lượng nước trong mùa mưa để bù đắp cho mùa khô. Cuối cùng, Công ty sẽ tập trung vào việc đầu tư nâng cấp và bảo trì hệ thống cơ sở hạ tầng, đặc biệt là mạng lưới đường ống cũ kỹ hoặc dễ bị ảnh hưởng bởi địa hình phức tạp, lún sụt đất, hay thiên tai, giúp giảm thiểu thiệt hại do các yếu tố tự nhiên gây ra.



RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Đối với ngành hoạt động thi công – xây lắp, KWACO nhận thức được tầm quan trọng trong công tác giữ gìn vệ sinh môi trường và đảm bảo an toàn lao động. Để thực hiện an toàn lao động, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy trình đạt tiêu chuẩn ngành Xây dựng và quy định pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy trong suốt quá trình diễn ra dự án. Người lao động được trang bị đầy đủ các công cụ, dụng cụ làm việc, bảo hộ lao động cũng như được huấn luyện về an toàn lao động để làm việc hiệu quả hơn. Công ty cũng chú trọng duy trì chính sách kiểm tra sức khỏe thường niên, chính sách bảo hiểm để đảm bảo sức khỏe cho nhân viên. Luôn luôn yêu cầu các nhà thầu phải chấp hành các quy định an toàn trong lao động, duy trì sức khỏe cho đội ngũ nhân viên, huấn luyện an toàn, cấp giấy chứng nhận theo quy định, mua bảo hiểm và đặc biệt chú ý đến công tác phòng cháy chữa cháy tại dự án.

Bên cạnh các chương trình đào tạo liên quan đến an toàn lao động, Công ty cũng tổ chức các chương trình huấn luyện nâng cao kiến thức liên quan đến môi trường xanh sạch an toàn. Song song đó, Công ty cũng xây dựng các hạng mục về bảo vệ môi trường, bao gồm: hệ thống xử lý nước thải tập trung (gồm hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước thải), hệ thống thoát nước mưa, hệ thống quan trắc nước thải và các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khác. Đối với các dự án hoàn thiện đã đi vào hoạt động, Công ty phải đảm bảo diện tích cây xanh trong khu vực theo quy định của pháp luật.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG (tt)

Với chủ trương phát triển bền vững và ý thức sâu sắc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với thách thức liên quan đến biến đổi khí hậu, hiệu ứng nhà kính, ô nhiễm môi trường, Công ty chủ động tuyên truyền những chương trình hành động cụ thể để bảo vệ môi trường, thẩm định và đánh giá các tác động lên môi trường trong quá trình triển khai dự án. Từ đó, hạn chế các tác động tiêu cực của các dự án đang thi công đến môi trường xung quanh.

RỦI RO KHÁC

Đối với những rủi ro như thiên tai, dịch bệnh, lũ lụt... Công ty luôn đề cao cảnh giác, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, mua bảo hiểm tài sản cần thiết, xây dựng kịch bản để chủ động đối phó với những rủi ro bất khả kháng trên nhằm giảm thiểu tổn thất và đảm bảo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra liên tục.



2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 1
- Tổ chức và nhân sự 2
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 3
- Tình hình tài chính 4
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 5
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty 6





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% Năm 2024/ Năm 2023	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2024
1	Cung cấp nước sinh hoạt	22.057	19.173	115,04%	27,15%	27,37%
2	Cung cấp dịch vụ công ích đô thị	18.177	15.701	115,76%	22,23%	22,56%
3	Thi công xây lắp	30.608	22.456	136,30%	31,80%	37,98%
4	Thi công công trình giao thông	8.445	11.740	71,93%	16,62%	10,48%
5	Dịch vụ tư vấn thiết kế	573	450	127,39%	0,64%	0,71%
6	Bán nước đóng chai	215	267	80,56%	0,38%	0,27%
7	Khác	507	836	60,63%	1,18%	0,63%
Tổng cộng		80.581	70.622	114,10%	100%	100%

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	KH 2024	Năm 2024	Năm 2023	% Năm 2024/ KH 2024	% Năm 2024/ Năm 2023
1	Tổng doanh thu	72.000	80.581	70.622	112%	114,10%
2	Lợi nhuận trước thuế	11.580	12.484	11.577	108%	107,84%
3	Lợi nhuận sau thuế	9.264	9.979	9.262	108%	107,74%
4	Cổ tức	14,62%	14,62%	14,62%	100%	100%



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày: 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Phan Thị Diệu Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cá nhân: 23.000	0,61%
			Đại diện: 1.262.500	33,22%
2	Bà Nguyễn Vũ Duy Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	6.000	0,16%
3	Ông Đỗ Hữu Nhã	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	14.500	0,38%
4	Bà Nguyễn Vũ Vân Anh	Kế toán trưởng	200	0,01%

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

1

BÀ PHAN THỊ DIỆU HIỀN

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh:** 12/08/1971
- Địa chỉ:** Long An
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** NĐDV của UBND tỉnh Long An
- Quá trình công tác:**
 - 01/1994 - 04/2003 : Trưởng phòng kế hoạch tại Xí nghiệp Cấp nước Mộc Hóa
 - 05/2003 -12/2006 : Kế toán trưởng tại Công ty Công trình Đô thị Mộc Hóa
 - 01/2007 - 05/2016 : Kế toán trưởng - Cty TNHH Cấp thoát nước & MT Kiến Tường
 - 06/2016 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại CTCP Cấp thoát nước và MT Kiến Tường
- Số cổ phần sở hữu của người liên quan:** Không có.



2

BÀ NGUYỄN VŨ DUY HẠNH

Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh:** 05/09/1976
- Địa chỉ:** Long An
- Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư công nghệ hóa
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Quá trình công tác:**
 - 2003 - 2006 : Công ty Công trình Đô thị Mộc Hóa – Nhân viên xét nghiệm
 - 2006 - 2013 : Công ty Công trình Đô thị Mộc Hóa – Trưởng xưởng NĐC
 - 2014 - 05/2016 : Công ty TNHH Cấp thoát nước & MT Kiến Tường – Trưởng phòng tổ chức
 - 06/2016 -02/2021 : Công ty CP Cấp thoát nước và MT Kiến Tường - Trưởng phòng tổ chức - Thành viên HĐQT
 - 02/2021 - nay : Công ty CP Cấp thoát nước và MT Kiến Tường - Trưởng phòng tổ chức - Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan:** Không có





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

3

ÔNG ĐỖ HỮU NHÃ

Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- **Năm sinh:** 01/06/1977
- **Nơi sinh:** Long An
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ xây dựng
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

Quá trình công tác:

- 2001 - 04/2003 : Nhân viên tại Xí nghiệp Cấp nước Mộc Hóa
- 05/2003 - 12/2006 : Nhân viên tại Cty Công trình Đô thị Mộc Hóa
- 01/2007 - 2010 : Phó phòng KH-KT Cty TNHH Cấp thoát nước & MT Kiến Tường
- 2011 - 05/2016 : Trưởng phòng KH-KT CTCP Cấp thoát nước và MT Kiến Tường
- 06/2016 - 02/2019 : Trưởng phòng Kỹ thuật - Thành viên HĐQT tại CTCP Cấp thoát nước và MT Kiến Tường
- 03/2019 - nay : Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT tại CTCP Cấp thoát nước và MT Kiến Tường

- **Số cổ phần sở hữu của người liên quan:** Không có



4

BÀ NGUYỄN VŨ VÂN ANH

Kế toán trưởng

- **Năm sinh:** 30/8/1988
- **Nơi sinh:** Long An
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ kinh tế
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

Quá trình công tác:

- 10/2011 – 9/2015 : Nhân viên kế toán Công ty CP thương mại Mộc Hóa
- 10/2015 – 5/2021 : Nhân viên kế toán Công ty CP Cấp thoát nước và MT Kiến Tường
- 06/2021 - nay : Kế toán trưởng Công ty CP Cấp thoát nước và MT Kiến Tường

- **Số cổ phần sở hữu của người liên quan:** Không có

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2024

Không có





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	118	100%
1	Trên đại học	3	3%
2	Đại học, cao đẳng	20	17%
3	Trung cấp	6	5%
4	Công nhân kỹ thuật	24	20%
5	Lao động phổ thông	65	55%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	118	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	3	3%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	115	97%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0,00%
C	Theo giới tính	118	100%
1	Nam	98	83%
	Tổng cộng	118	100%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	118	118
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.600.000	9.200.000

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

Công tác đào tạo được Công ty coi trọng, Công ty thường xuyên cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo ngắn ngày giúp cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ, chuyên môn.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên làm việc. Cụ thể, hàng năm Công ty tổ chức thăm hỏi cán bộ công nhân viên có việc ma chay, hiếu, hỷ; đến thăm và vận động quyên góp giúp đỡ cho các gia đình cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn... Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức tham quan, học tập, tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, thể thao... nhằm giúp nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

Về tuyển dụng

Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng công khai, minh bạch và công bằng, đảm bảo lựa chọn được những ứng viên phù hợp với yêu cầu công việc và văn hóa doanh nghiệp. Ưu tiên tuyển chọn nguồn nhân lực tại địa phương nhằm góp phần giải quyết việc làm, gắn bó lâu dài với cộng đồng. Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng quy định, bao gồm các bước: tiếp nhận hồ sơ, sàng lọc, phỏng vấn và đánh giá năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của ứng viên.

Về đào tạo

- Công ty có chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo kỹ năng - chuyên môn trong suốt quá trình làm việc nhằm mục đích.
- Cập nhật kiến thức mới cho nhân viên, giúp nhân viên áp dụng thành công khi có các thay đổi về công nghệ trong doanh nghiệp.
- Khuyến khích, động viên nhân viên, đáp ứng nhu cầu phát triển của nhân viên/
- Đào tạo nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao kỹ năng chuyên môn của nhân viên để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của công việc, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

An toàn, bảo hộ lao động

Công ty luôn đặt công tác an toàn lao động và bảo hộ người lao động lên hàng đầu trong mọi hoạt động sản xuất. Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân, được hướng dẫn và huấn luyện định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động. Công ty xây dựng và triển khai các quy trình, nội quy an toàn trong vận hành thiết bị, nhà máy, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra, giám sát an toàn được thực hiện thường xuyên nhằm phòng ngừa tai nạn và bảo vệ sức khỏe người lao động.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

- Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được nhân sự nhất là công nhân có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.
- Công ty thực hiện chế độ nâng lương hàng năm cho cán bộ công nhân viên và quan tâm thường xuyên đến việc cải thiện, nâng cao thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên.
- Việc khen thưởng thực hiện thường xuyên, kịp thời đã khuyến khích, động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh của Công ty.
- Mức lương bình quân trong năm 2024 của Công ty là 9.200.000 đồng/người/tháng.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN:

Trong năm 2024, Công ty không có các khoản đầu tư lớn

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

Không có.

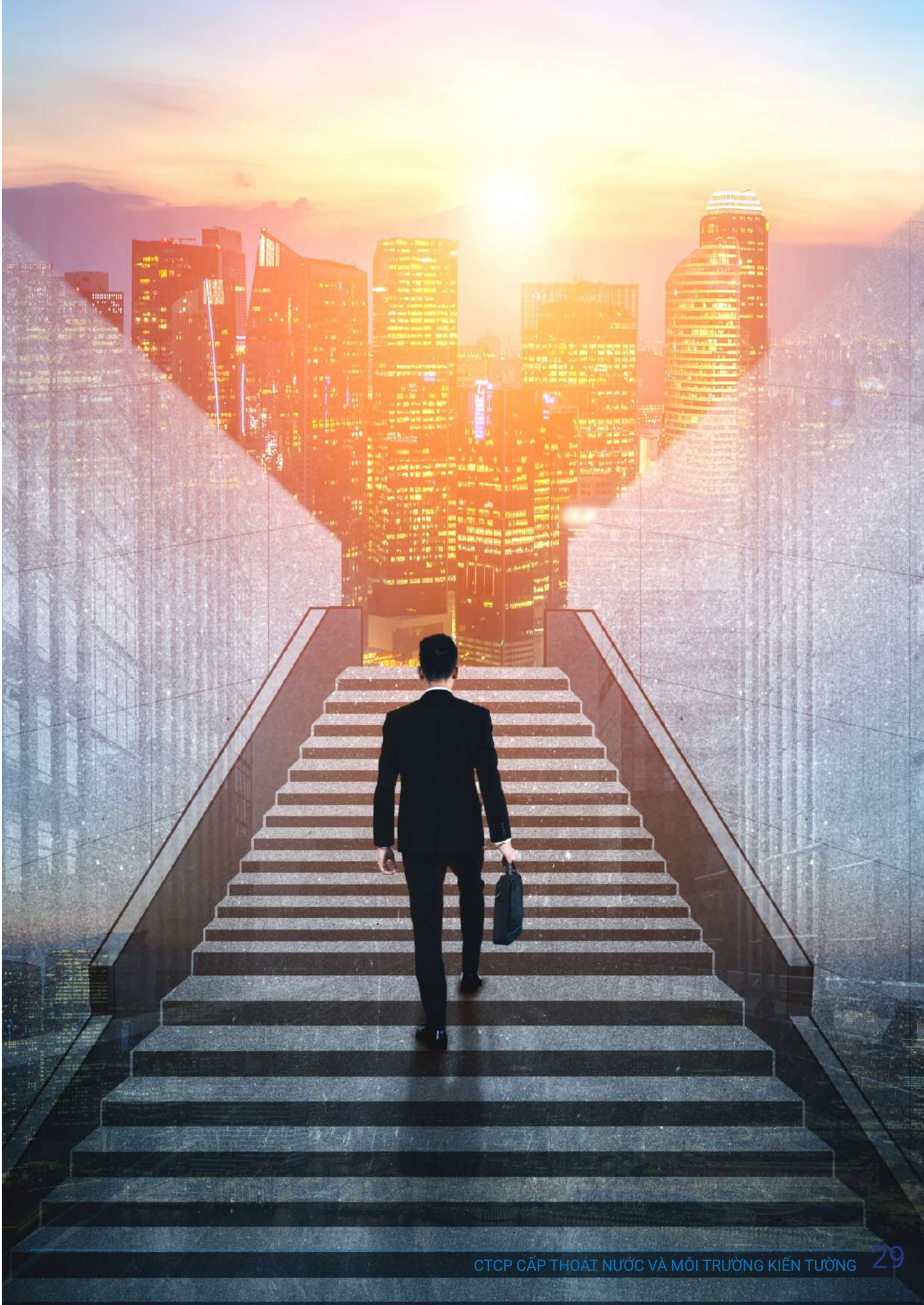
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	100.397.264.581	90.151.248.904	111,37%
2	Doanh thu thuần	80.580.646.658	70.622.349.566	114,10%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.527.823.805	13.381.981.352	93,62%
4	Lợi nhuận khác	(43.564.749)	366.627.508	-11,88%
5	Lợi nhuận trước thuế	12.484.259.056	13.748.608.860	90,80%
6	Lợi nhuận sau thuế	9.978.694.295	10.998.887.088	90,72%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,75	1,60
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,51	1,54
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	28,20%	32,59%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	39,28%	48,35%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	10,44	22,75
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,80	0,81
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	12,38%	13,11%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	13,84%	15,85%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	9,94%	10,67%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	15,55%	16,35%





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đã phát hành
3.800.000 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành
3.800.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ
0 cổ phần

Số lượng cổ phiếu hạn
chế chuyển nhượng
0 cổ phần



Loại cổ phần
Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần
10.000 đồng/cp

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	1	3.352.500	88,22%
II	Cổ đông trong nước	78	3.800.000	100%
1	Tổ chức	1	3.352.500	88,22%
2	Cá nhân	77	447.500	11,78%
III	Cổ đông lớn, cổ đông khác	78	3.800.000	100%
1	Cổ đông lớn	1	3.352.500	88,22%
2	Cổ đông khác	77	447.500	11,78%
Tổng cộng		78	3.800.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% (Tính tại ngày 31/12/2024)

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 54/2020/GCNCP-VSD ngày 31/08/2020 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp cho Công ty cổ phần Cấp thoát nước và môi trường Kiến Tường, VSD thông báo tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài của mã chứng khoán KWA là 49%.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC:

Không có





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các nguồn phát thải khí nhà kính chủ yếu đến từ hoạt động vận hành máy bơm nước, máy phát điện dự phòng, xe chuyên dụng và tiêu thụ điện năng trong quá trình xử lý nước. Mức phát thải gián tiếp đến từ việc sử dụng điện lưới và các vật tư, hóa chất trong quá trình sản xuất.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Quản lý chất thải: Công ty áp dụng phân loại chất thải tại nguồn, thu gom, xử lý đúng quy định. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước được xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường. Chất thải nguy hại được lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng.
- Thúc đẩy văn hóa bền vững: Công ty khuyến khích nhân viên tiết kiệm năng lượng, giảm in ấn giấy, tái sử dụng vật tư, và tổ chức các chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về môi trường. Đồng thời, từng bước số hóa quy trình nội bộ để giảm thiểu tác động môi trường.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty sử dụng các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường như ống nhựa HDPE không độc hại, hóa chất xử lý nước đạt tiêu chuẩn Bộ Y tế. Các vật tư tiêu hao được quản lý theo định mức, tối ưu trong quá trình khai thác và hạn chế thất thoát. Hợp đồng với nhà cung cấp yêu cầu tuân thủ các tiêu chí kỹ thuật và môi trường rõ ràng.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng sử dụng chủ yếu là điện lưới phục vụ hoạt động bơm nước, xử lý nước thải và chiếu sáng. Công ty đã thay thế một phần thiết bị bằng máy bơm biến tần tiết kiệm điện, lắp đặt đèn LED thay thế đèn cũ tại trụ sở và các trạm cấp nước, góp phần giảm chi phí và phát thải gián tiếp.

TIÊU THỤ NƯỚC:

Mức tiêu thụ nước chủ yếu phục vụ quá trình rửa ngược thiết bị lọc và vệ sinh hệ thống. Năm qua, Công ty thực hiện giám sát lượng nước nội bộ sử dụng và giảm thiểu tối đa thất thoát. Tổng lượng nước khai thác và tiêu thụ tuân thủ đúng giấy phép và được kiểm kê định kỳ theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định về môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 số 72/2020/QH14, đảm bảo không có bất cứ sai phạm về môi trường. . Ngoài ra, Công ty cũng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm nhằm đảm bảo rằng công nghệ sản xuất nước sạch mà Công ty sử dụng đúng với các tiêu chuẩn quy định được ban hành. Đồng thời, các đoàn kiểm tra từ cơ quan giám sát môi trường của tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền thường xuyên đến kiểm tra, đánh giá, đảm bảo vệ sinh và bảo vệ môi trường.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Tổng số người lao động: 118 người (tính tới 31/12/2024).
- Mức tiền lương bình quân của người lao động: 9.200.000 đồng/ tháng/ người.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty luôn xác định người lao động là yếu tố then chốt trong sự phát triển bền vững. Vì vậy, các chính sách lao động được xây dựng trên cơ sở đảm bảo quyền lợi hợp pháp, môi trường làm việc an toàn và phúc lợi đầy đủ. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên; thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân và tham gia các khóa huấn luyện an toàn lao động hằng năm. Công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ nội quy lao động và quy trình an toàn được thực hiện thường xuyên nhằm phòng ngừa rủi ro trong lao động sản xuất. Ngoài ra, Công ty còn triển khai các chính sách phúc lợi như hỗ trợ chi phí ăn ca, quà tặng vào dịp lễ – Tết, hỗ trợ người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn.

Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc và ý thức nghề nghiệp cho người lao động. Trong năm, Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo nội bộ và cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn chuyên đề bên ngoài về kỹ thuật cấp thoát nước, quản lý môi trường, an toàn vận hành hệ thống và cập nhật các quy định pháp luật mới. Bên cạnh đó, các khóa đào tạo về kỹ năng mềm, tin học văn phòng, và quản lý cũng được tổ chức phù hợp với từng cấp độ nhân sự. Chính sách đào tạo được xây dựng trên nguyên tắc học tập suốt đời, khuyến khích nhân viên chủ động cập nhật kiến thức để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công việc và hội nhập xu thế chuyển đổi số, công nghệ 4.0 trong ngành nước và môi trường.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương để tạo việc làm và gắn bó phát triển cùng cộng đồng

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Công ty đang nghiên cứu các cơ hội tiếp cận nguồn vốn xanh trong tương lai nhằm phục vụ cho các dự án đầu tư nâng cấp nhà máy xử lý nước, giảm phát thải và thúc đẩy phát triển bền vững. Công ty cam kết sẽ xây dựng lộ trình phù hợp theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong giai đoạn tới.

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 1
- Tình hình tài chính 2
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 3
- Kế hoạch phát triển trong tương lai 4
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 5
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty 6





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2024



THUẬN LỢI

- Công ty nhận được sự quan tâm và hỗ trợ đặc biệt từ Thị ủy, Huyện ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An và các cấp chính quyền địa phương khác. Sự quan tâm này đã không chỉ tạo điều kiện thuận lợi mà còn giúp Công ty thực hiện và hoàn thành mọi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao hàng năm.
- Nhân sự trong Công ty đã có ý thức tuân thủ nội quy lao động, các quy chế, quy trình, quy định đã ban hành. Đối với các hoạt động tập thể, CBCNV đã nhiệt tình tham gia và từng bước xây dựng nội bộ đoàn kết, đã có sự phối hợp tốt hơn trong công việc giữa các phòng ban.



KHÓ KHĂN

- Một số người dân có ý thức chưa cao trong việc bảo vệ môi trường như vứt rác không đúng nơi quy định, công tác thu gom rác sinh hoạt nhiều lúc, nhiều nơi vẫn còn để tồn đọng, chưa vận chuyển kịp thời; bố trí thùng rác chưa đảm bảo mỹ quan.
- Các xe vận chuyển vật liệu xây dựng lưu thông trên đường làm rơi vãi cát đá gây mất vẻ mỹ quan đô thị.
- Một số gia đình, hộ kinh doanh... không nộp tiền phí dịch vụ thu gom rác đúng kì vì lý do do địa phương chưa thông báo, do họ tự xử lý...
- Các tuyến đường trên địa bàn phường xã, thị trấn đang xuống cấp, cầu yếu gây ảnh hưởng đến quá trình thu gom rác của Công ty.
- Hệ thống thoát nước bị các hộ dân che lấp, trán bịt miệng cống cũng như bỏ rác xuống cống, hố ga,... ảnh hưởng đến công tác khai thông nạo vét bùn cống hố ga. Nấp cống, lưới chắn rác ở các hố ga bị hư gây nguy hiểm cho người đi đường và mất vẻ mỹ quan đô thị.

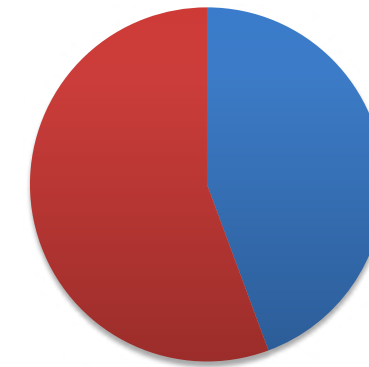


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

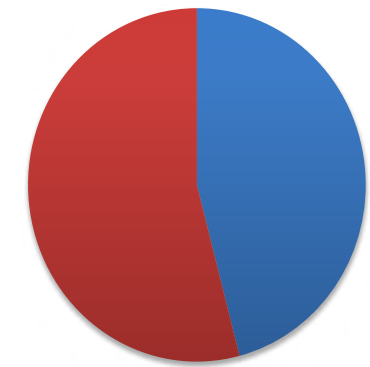
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2023		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	44.527	44,35%	41.413	45,94%	3.114	107,52%
Tài sản dài hạn	55.870	55,65%	48.739	54,06%	7.132	114,63%
Tổng tài sản	100.397	100%	90.151	100%	10.246	111,37%

NĂM 2024



NĂM 2023

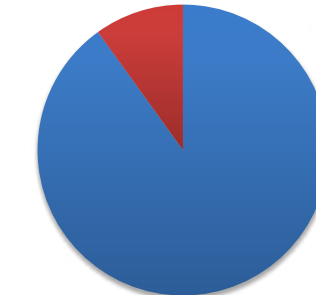


■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

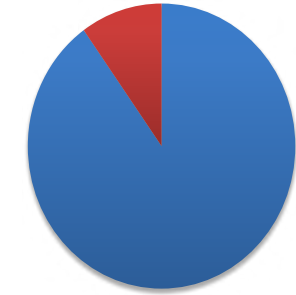
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2023		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	25.501	90,06%	26.487	90,12%	(986)	96,28%
Nợ dài hạn	2.814	9,94%	2.904	9,88%	(90)	96,89%
Tổng nợ phải trả	28.315	100%	29.391	100%	(1.076)	96,34%

NĂM 2024



NĂM 2023



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Trong năm vừa qua, Công ty đã tiếp tục duy trì cấu trúc tổ chức vì nhận thấy sự hiệu quả mà nó mang lại trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng đã được duy trì, hoàn thiện và bổ sung một cách liên tục, đồng thời tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2024, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã cho ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn bộ phần báo cáo của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến phản hồi hay cần giải trình thêm về vấn đề này.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2024	KH năm 2025 (*)	% KH 2025/ TH 2024
1	Sản lượng khai thác (m³)	3.693.450		
2	Sản lượng ghi thu (m³)	2.770.087		
3	Đồng hồ lắp đặt mới (cái)	250		
4	Tỷ lệ thất thoát	25%		
5	Tổng Doanh thu (đồng)	80.580.646.658		
6	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	12.484.259.056		
7	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	9.978.694.295		
8	Thu nhập bình quân người lao động (đồng)	9.200.000		
9	Tỷ lệ cổ tức	14,62%		

(*) Kế hoạch năm 2025 sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Lĩnh vực cấp nước	
2	Lĩnh vực môi trường	



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

• ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Việc tiêu thụ và xử lý hợp lý các chỉ tiêu môi trường như sử dụng điện, nước và hoạt động thu gom và xử lý rác thải đã được triển khai theo kế hoạch, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện một cách hiệu quả.

• ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty đang hoàn thiện chính sách về lương, thưởng, phúc lợi và các chế độ đãi ngộ nhằm tạo điều kiện ổn định, phù hợp và công bằng, phản ánh đúng mức độ đóng góp và đồng hành của người lao động với Công ty. Song song với điều đó, Công ty luôn cam kết về môi trường làm việc an toàn, tôn trọng và chăm sóc sức khỏe, bảo đảm các quyền lợi của người lao động theo quy định pháp luật.

• ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

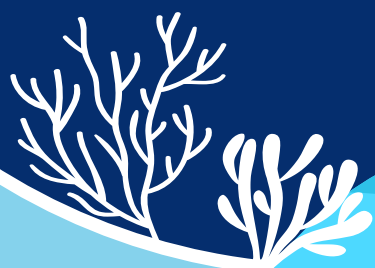
Ngoài việc tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đặt sự chú trọng và quan tâm đặc biệt vào các công việc xã hội, hỗ trợ cuộc sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, từ đó tạo ra những ảnh hưởng tích cực đối với kinh tế và môi trường xã hội trong cộng đồng. Công ty nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương, qua đó thực hiện tài trợ tài chính, đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trong khu vực hoạt động của mình. Công ty cam kết tạo ra giá trị sống toàn diện hơn thông qua việc triển khai các chương trình hỗ trợ và phát triển, nhằm mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững của cộng đồng.



4

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 1
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty 2
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 3





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

• ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

» Về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Tổng doanh thu: 80.581 triệu đồng, đạt 112% KH năm 2024;
- Lợi nhuận sau thuế: 9.979 triệu đồng, đạt 108% KH năm 2024;
- Cổ tức: 14,62%, đạt 100% KH năm 2024.

• ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Dựa trên Kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2024 và tuân theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông và người lao động, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một cách đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, áp dụng nhiều biện pháp hiệu quả nhằm tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời tuân thủ các chính sách và pháp luật do Nhà nước quy định, trong quá trình quản lý và điều hành công ty, nhằm bảo vệ quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Qua đánh giá, Tổng Giám đốc và toàn bộ Ban điều hành đã triển khai và thực hiện một cách đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Họ tuân thủ chính sách và pháp luật theo quy định của Nhà nước trong việc quản lý và điều hành công ty, nhằm bảo vệ quyền lợi của cổ đông và người lao động, đồng thời tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty.

• CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiếp tục chỉ đạo và phát triển kế hoạch đầu tư mở rộng, hướng dẫn việc tăng cường đầu tư vào máy móc, thiết bị và cải tiến công nghệ. Trọng tâm của sự chú trọng này đặc biệt là việc tập trung vào việc nghiên cứu và đầu tư vào các nhà máy cũng như hệ thống ống truyền nước lớn, mang tính liên kết và kết nối, nhằm nâng cao hạ tầng cung cấp nước cho Tỉnh Long An nhằm mục tiêu mang lại nguồn thu và lợi nhuận chủ yếu cho Công ty, đồng thời đóng góp vào việc phát triển kinh tế và xã hội.

Tiếp tục duy trì và hoàn thiện việc tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển từ việc sử dụng nguồn nước ngầm sang nguồn nước mặt theo đúng lộ trình và các tiêu chí được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đề ra cho đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, cũng như kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty.

Tăng cường việc dự báo và lập kế hoạch để nâng cao khả năng quản trị tài chính, tối ưu hóa sử dụng tài sản và hiệu quả đầu tư. Đồng thời, chỉ đạo việc tái cơ cấu toàn diện Công ty với mục tiêu tập trung vào các hoạt động cốt lõi có ý nghĩa kinh tế - xã hội như cung cấp nước và vệ sinh môi trường và mở rộng đầu tư hoặc hợp tác trong những lĩnh vực tiềm năng, không bị cấm bởi pháp luật.

Tập trung vào các hoạt động quan trọng khác như ứng dụng công nghệ số, tăng cường dự báo và xử lý thất thoát nước, mở rộng địa bàn cung cấp dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải, đầu tư và mở rộng kinh doanh các sản phẩm nước đóng chai, cũng như việc xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và tăng cường ý thức trách nhiệm và kỉ luật lao động đảm bảo Công ty vẫn duy trì được hoạt động ổn định và mang lại lợi ích cả về mặt kinh tế và xã hội.



5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

1

2

3





THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Chung Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	Cá nhân: 0,42%	0,42%
			Đại diện: 2.090.000	55%
2	Bà Phan Thị Diệu Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cá nhân: 23.000	0,61%
			Đại diện: 1.262.500	33,22%
3	Ông Đỗ Hữu Nhã	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc	14.500	0,38%
4	Bà Nguyễn Vũ Duy Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc	6.000	0,16%
5	Ông Lê Ngọc Châu	Thành viên HĐQT không điều hành	2.300	0,06%

SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Chung Văn Minh

Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh: 15/5/1965
- Nơi sinh: Long An
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước
- Quá trình công tác:

04/1986 - 03/1987	Nhân viên tại Xí nghiệp Cấp nước Mộc Hóa
1989 - 05/2003	Kế toán trưởng tại Công ty Công trình Đô thị Mộc Hóa
06/2003 - 04/2010	Phó giám đốc tại Cty TNHH Cấp thoát nước & MT Kiến Tường
05/2010 - 05/2016	Giám đốc tại Cty TNHH Cấp thoát nước & MT Kiến Tường
06/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT tại CTCP Cấp thoát nước và MT Kiến Tường

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: NĐDV của UBND tỉnh Long An
- Số cổ phần sở hữu của người liên quan:
Lâm Thị Khánh Linh – Vợ - Nắm giữ 81.700 cổ phần, tương đương 2,15% vốn điều lệ.
Chung Văn Tài – Em ruột - Nắm giữ 1.600 cổ phần, tương đương 0,04% vốn điều lệ.

Ông Lê Ngọc Châu

Thành viên HĐQT không điều hành

- Ngày sinh: 04/02/1982
- Nơi sinh: Kiên Giang
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ xây dựng
- Quá trình công tác:

01/2004 - 12/2006	Nhân viên Công ty Công trình Đô thị Mộc Hóa
01/2007 - 05/2016	Nhân viên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Môi Trường Kiến Tường
06/2016 - 02/2019	Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Cấp thoát nước và MT Kiến Tường
02/2019 - nay	Trưởng phòng - Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp thoát nước và MT Kiến Tường
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu của người liên quan:
Ông Ngô Kim Hoàng Phi Hổ - em ruột - Nắm giữ 500 cổ phần, tương đương 0,01% VDL

Chi tiết tại sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT xem thông tin sơ yếu lý lịch tại Phần II - Thông tin Ban điều hành.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện tại, Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò trong việc duy trì hoạt động công ty, tổ chức họp, biểu quyết các quyết định đúng quy định pháp luật và Điều lệ. Các thành viên tham gia đầy đủ, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra định hướng, chiến lược và giám sát chặt chẽ hoạt động của công ty để Ban Tổng Giám đốc điều hành phù hợp với quy định và chính sách

Nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Chung Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Bà Phan Thị Diệu Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4/4	100%
3	Ông Đỗ Hữu Nhã	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc	4/4	100%
4	Bà Nguyễn Vũ Duy Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc	4/4	100%
5	Ông Lê Ngọc Châu	Thành viên HĐQT không điều hành	4/4	100%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nêu nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	30/NQ-CT	21/02/2024	Nghị quyết chốt danh sách cổ đông	100%
2	73/NQ-CT	26/04/2024	Nghị quyết gia hạn thời gian tổ chức Đại hội	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP:

Hiện tại, Công ty không thuộc trường hợp bắt buộc phải có thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Vì vậy, trong cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty không có yếu tố độc lập.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hiện tại, Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về Quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Công ty. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Bà Ngô Kim Thanh Lan Trinh	Trưởng ban kiểm soát	5.100	0,13%
2	Bà Tăng Thị Thu Nhân	Kiểm soát viên	2.300	0,06%
3	Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng	Kiểm soát viên	-	-

Rà soát Danh sách thay đổi thành viên BKS: Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

Kết quả giám sát đối với HĐQT:

Trong kỳ, HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình trong việc duy trì hoạt động và tổ chức các cuộc họp, tiến hành biểu quyết thông qua các quyết định phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp trực tiếp, trực tuyến và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra các định hướng, chiến lược và chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát thường xuyên đối với các hoạt động của Công ty để Ban Tổng Giám đốc thực hiện điều hành phù hợp với quy định, chính sách của Công ty.

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Ban Tổng Giám đốc:

Ban Kiểm soát đánh giá công tác kiểm tra giám sát cũng như công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành Công ty đã tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật hiện hành. Tại thời điểm báo cáo, BKS chưa nhận được ý kiến đóng góp của cổ đông về các sai phạm của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Đối với cổ đông:

Trong kỳ, Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu hay khiếu nại nào của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty yêu cầu xem xét về hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc về việc điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Ngô Kim Thanh Lan Trinh	Trưởng ban kiểm soát	2	100%
2	Bà Tăng Thị Thu Nhân	Kiểm soát viên	2	100%
3	Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng	Kiểm soát viên	2	100%

Nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên và xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của Ban Kiểm soát.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGĐ VÀ BKS

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2024
I Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
1	Ông Chung Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	496.617.000	552.807.000
2	Bà Phan Thị Diệu Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	428.859.301	466.308.688
3	Ông Đỗ Hữu Nhã	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc	320.859.301	364.388.688
4	Bà Nguyễn Vũ Duy Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc	256.659.301	307.353.957
5	Ông Lê Ngọc Châu	Thành viên HĐQT không điều hành	46.265.301	225.188.687
II Ban Kiểm soát				
1	Bà Ngô Kim Thanh Lan Trinh	Trưởng ban kiểm soát	167.719.308	194.347.484
2	Bà Tăng Thị Thu Nhân	Kiểm soát viên	156.045.808	191.631.483
Tổng cộng			1.873.025.320	2.302.025.987

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người lao động và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các chính sách pháp luật, tuân thủ việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã được đăng ký và cấp phép. Đồng thời, tuân thủ chặt chẽ các quy định, định hướng chỉ đạo từ cấp thẩm quyền cũng như từ các sở, ban ngành trong tỉnh.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán 1
- Báo cáo tài chính được kiểm toán 2



Pro-forma 100% stake
Pro-forma 51% ADP stake
Current forecast (incl Gatwick)

2021

2022

1

0



Số: 063/2024/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 28 phần thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả các điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo biên bản của Kiểm toán Nhà nước. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 17 tháng 4 năm 2024.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Đỗ Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2662-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 19 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Hữu Thắng - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2818-2025-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.526.968.581	41.412.544.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.099.151.648	20.547.414.216
1 Tiền	111		7.949.766.055	11.442.076.106
2 Các khoản tương đương tiền	112		4.149.385.593	9.105.338.110
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.253.959.554	19.331.498.782
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	25.751.080.076	18.290.028.216
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	499.712.000
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	6	502.879.478	541.758.566
III. Hàng tồn kho	140	7	6.144.763.260	1.519.982.717
1 Hàng tồn kho	141		6.144.763.260	1.519.982.717
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.094.119	13.649.245
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	15.444.874	-
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	13.649.245	13.649.245
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.870.296.000	48.738.703.944
I. Tài sản cố định	220		54.387.866.937	46.245.444.786
1 Tài sản cố định hữu hình	221	8	54.281.236.759	46.119.902.104
- Nguyên giá	222		102.723.424.668	90.394.003.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.442.187.909)	(44.274.101.498)
2 Tài sản cố định vô hình	227	9	106.630.178	125.542.682
- Nguyên giá	228		294.700.000	294.700.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(188.069.822)	(169.157.318)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	130.796.887
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	130.796.887
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.482.429.063	2.362.462.271
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.482.429.063	2.362.462.271
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		100.397.264.581	90.151.248.904

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.315.112.166	29.390.970.587
I. Nợ ngắn hạn	310		25.501.161.880	26.486.684.223
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	13.571.618.432	13.135.421.298
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	2.697.249.450	3.652.939.004
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.742.021.912	2.472.642.702
4 Phải trả người lao động	314		5.272.315.920	3.175.727.920
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	1.112.255.415	3.186.277.324
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	15	514.861.111	647.663.028
7 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	562.270.834	-
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	28.568.806	216.012.947
II. Nợ dài hạn	330		2.813.950.286	2.904.286.364
1 Phải trả dài hạn khác	337	15	2.813.950.286	2.904.286.364
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.082.152.415	60.760.278.317
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	72.082.152.415	60.760.278.317
1 Vốn cổ phần	411	18.2	38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.895.977.000	-
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		18.156.684.923	16.160.946.064
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.029.490.492	6.599.332.253
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.029.490.492	6.599.332.253
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		100.397.264.581	90.151.248.904


Nguyễn Vũ Văn Anh
Kế toán trưởng - Người lập biểu

Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2025




Phan Thị Diệu Hiền
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	80.580.646.658	70.622.349.566
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	80.580.646.658	70.622.349.566
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	20	64.146.860.337	53.695.116.354
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.433.786.321	16.927.233.212
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	176.925.055	443.404.081
7 Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	4.082.887.571	3.988.655.941
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.527.823.805	13.381.981.352
11 Thu nhập khác	31		-	369.282.554
12 Chi phí khác	32		43.564.749	2.655.046
13 Lợi nhuận khác	40	23	(43.564.749)	366.627.508
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.484.259.056	13.748.608.860
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25.1	2.505.564.761	2.749.721.772
16 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		9.978.694.295	10.998.887.088
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.101	2.316
18 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	2.101	2.316

Nguyễn Vũ Văn Anh
Kế toán trưởng - Người lập biểu

Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2025



Phan Thị Diệu Hiền
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		12.484.259.056	13.748.608.860
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8 ; 9	4.186.998.915	4.143.894.058
- Các khoản dự phòng	03	16	562.270.834	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(176.925.055)	(443.404.081)
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.056.603.750	17.449.098.837
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(6.922.460.772)	1.929.363.824
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(4.624.780.543)	1.841.218.384
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(1.910.019.055)	5.317.253.757
- Giảm chi phí trả trước	12		864.588.334	667.282.592
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	13	(2.489.330.820)	(2.477.682.489)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	17	(2.183.183.000)	(3.509.739.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(208.582.106)	21.216.795.505
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.859.547.179)	(4.964.443.565)
2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		176.925.055	443.404.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.682.622.124)	(4.521.039.484)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18.3	(5.557.058.338)	(5.551.491.402)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.557.058.338)	(5.551.491.402)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.448.262.568)	11.144.264.619
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	20.547.414.216	9.403.149.597
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	12.099.151.648	20.547.414.216


Nguyễn Vũ Văn Anh
Kế toán trưởng - Người lập biểu
Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2025


Phan Thị Diệu Hiền
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty TNHH Một Thành viên Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1100583607 điều chỉnh lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 01 tháng 6 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất cung cấp nước sạch, quản lý thoát nước, sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai, thi công công trình giao thông, tư vấn thiết kế, chăm sóc công viên cây xanh, duy tu bảo dưỡng đường đô thị, vệ sinh môi trường và công trình đô thị.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM từ ngày 12 tháng 12 năm 2024 với mã chứng khoán là KWA.

Công ty có trụ sở chính tại số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Ngoài ra, Công ty có ba (03) chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại tỉnh Long An, cụ thể như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường - Trung tâm Tư vấn Xây dựng Kiến Tường	số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường - Xí nghiệp Công trình Giao thông	số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường - Trung tâm Đầu giá Kiến Tường	số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 111 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 118 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc05 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải03 - 30 năm
- Thiết bị quản lý05 năm
- Phần mềm máy tính08 năm

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ được phân bổ dần không quá 03 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ với thời hạn 10 năm.

3.9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10. Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.11. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ Đầu tư phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế được nghiệm thu.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu phân phối và kinh doanh nước sạch

Doanh thu cung cấp nước được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước được quy định bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Long An và khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng, được xác định theo chỉ số đồng hồ đo được của các khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, và điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

3.16. Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất cung cấp nước sạch, quản lý thoát nước, sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai, thi công công trình giao thông, tư vấn thiết kế, chăm sóc công viên cây xanh, duy tu bảo dưỡng đường đô thị, vệ sinh môi trường và công trình đô thị chủ yếu trên địa bàn tỉnh Long An. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	68.502.733	22.462.214
Tiền gửi ngân hàng	7.881.263.322	11.419.613.892
Các khoản tương đương tiền (*)	4.149.385.593	9.105.338.110
TỔNG CỘNG	12.099.151.648	20.547.414.216

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty không yêu cầu tất toán tại ngày đáo hạn.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Long An	4.343.037.000	3.565.537.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thị xã Kiến Tường	8.162.062.784	6.330.407.561
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mộc Hóa	2.285.278.444	1.317.646.500
Phòng Quản lý Đô thị Thị xã Kiến Tường	3.331.205.798	2.144.951.700
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Mộc Hóa	1.875.519.600	749.982.821
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Tân Thạnh	2.024.569.000	-
Phải thu các khách hàng khác	3.729.407.450	4.181.502.634
TỔNG CỘNG	25.751.080.076	18.290.028.216

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	127.350.000	100.034.215
Phải thu khác	375.529.478	441.724.351
TỔNG CỘNG	502.879.478	541.758.566

7. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.335.098	-	35.178.897	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.623.891.896	-	-	-
Hàng hóa	1.491.536.266	-	1.484.803.820	-
TỔNG CỘNG	6.144.763.260	-	1.519.982.717	-

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý
Nguyên giá:				
Số đầu năm	37.589.630.771	9.241.519.539	43.409.216.928	153.636.364
Mua trong năm	769.803.704	1.163.828.441	1.499.811.921	-
Tặng khác	8.895.977.000	-	-	-
Số cuối năm	47.255.411.475	10.405.347.980	44.909.028.849	153.636.364
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	2.473.366.750	3.915.358.633	13.637.008.884	20.179.370.631
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	13.648.498.096	5.621.356.756	24.850.610.282	153.636.364
Khấu hao trong năm	1.418.275.031	560.927.572	2.188.883.808	-
Số cuối năm	15.066.773.127	6.182.284.328	27.039.494.090	153.636.364
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	23.941.132.675	3.620.162.783	18.558.606.646	-
Số cuối năm	32.188.638.348	4.223.063.652	17.869.534.759	-

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm máy tính			
Số đầu năm	294.700.000	169.157.318	125.542.682
Hao mòn trong năm	-	18.912.504	
Số cuối năm	294.700.000	188.069.822	106.630.178
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	143.400.000		143.400.000

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.444.874	-
TỔNG CỘNG	15.444.874	-
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	406.225.180	526.585.054
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	1.076.203.883	1.835.877.217
TỔNG CỘNG	1.482.429.063	2.362.462.271

(*) Theo Quyết định số 4268/QĐ-UBND ban hành bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 31 tháng 5 năm 2016 của Công ty TNHH Một Thành viên Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường (tên trước đây của Công ty), giá trị lợi thế kinh doanh được định giá với số tiền là 7.596.733.332 VND và được phân bổ vào chi phí hàng năm trong thời gian là 10 năm.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phòng Tài chính - Kế hoạch Thị xã Kiến Tường	1.852.200.000	1.852.200.000	1.852.200.000	1.852.200.000
Ủy ban nhân dân Thị xã Kiến Tường	1.185.187.301	1.185.187.301	1.185.187.301	1.185.187.301
Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn huyện Mộc Hóa	8.295.187.000	8.295.187.000	8.545.187.000	8.545.187.000
Phải trả đối tượng khác	2.239.044.131	2.239.044.131	1.552.846.997	1.552.846.997
TỔNG CỘNG	13.571.618.432	13.571.618.432	13.135.421.298	13.135.421.298

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý Dự án Công trình giao thông	2.086.443.000	2.920.082.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mộc Hóa	-	500.000.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Vĩnh Hưng	448.480.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	162.326.450	232.857.004
TỔNG CỘNG	2.697.249.450	3.652.939.004

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	1.209.070.140	655.358.911	(1.507.251.967)	357.177.084
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	989.330.820	2.505.564.761	(2.489.330.820)	1.005.564.761
Thuế Thu nhập cá nhân	111.033.594	226.356.144	(123.917.162)	213.472.576
Thuế Tài nguyên	63.942.400	787.519.000	(789.132.600)	62.328.800
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	(13.649.245)	12.076.307	(12.076.307)	(13.649.245)
Các loại thuế khác	99.265.748	1.496.257.270	(1.492.044.327)	103.478.691
TỔNG CỘNG	2.458.993.457	5.683.132.393	(6.413.753.183)	1.728.372.667
Trong đó:				
Thuế phải nộp	2.472.642.702			1.742.021.912
Thuế nộp thừa (*)	13.649.245			13.649.245

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh	784.337.427	3.186.277.324
Chi phí phải trả khác	327.917.988	-
TỔNG CỘNG	1.112.255.415	3.186.277.324

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường			Mẫu số B09-DN	
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)				
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
15. PHẢI TRẢ KHÁC				
			VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm	
Ngắn hạn				
	Kinh phí công đoàn	57.199.499	175.901.826	
	Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	322.030.970	323.761.202	
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	135.630.642	148.000.000	
TỔNG CỘNG		514.861.111	647.663.028	
Dài hạn				
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	2.813.950.286	2.904.286.364	
TỔNG CỘNG		2.813.950.286	2.904.286.364	
(*) Công ty nhận khoản ký quỹ từ các khách hàng yêu cầu lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt trong trường hợp khách hàng chưa sử dụng dịch vụ ổn định. Sau thời gian 05 năm, nếu khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ cung cấp nước sạch, công ty sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền ký quỹ này.				
16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN				
			VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Dự phòng chi phí bảo hành	562.270.834	-	
TỔNG CỘNG		562.270.834	-	
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng là được Ban Tổng Giám đốc trích lập cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao trong kỳ cho thời hạn bảo hành 12 tháng. Hết thời hạn bảo hành công trình xây dựng, số dư dự phòng bảo hành công trình chưa sử dụng hết được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác.				
17. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI				
Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:				
			VND	
		Năm nay	Năm trước	
	Số đầu năm	216.012.947	1.525.974.930	
	Trích lập trong năm (Thuyết minh số 18.1)	1.995.738.859	2.199.777.417	
	Sử dụng trong năm	(2.183.183.000)	(3.509.739.400)	
	Số cuối năm	28.568.806	216.012.947	

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU				
18.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu				
	Năm trước	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển
				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
				Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	38.000.000.000	-	-	13.961.168.646
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	2.199.777.418
Cổ tức công bố	-	-	-	-
Số cuối năm	38.000.000.000	-	-	16.160.946.064
Năm nay				
Số đầu năm	38.000.000.000	-	-	16.160.946.064
Tăng vốn trong năm (*)	-	8.895.977.000	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-
Tạm trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	1.995.738.859
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-
Số cuối năm	38.000.000.000	8.895.977.000	-	18.156.684.923
(*) Tăng vốn trong năm do nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn công trình Trạm Trung chuyển xã Tân Lập - huyện Mộc Hóa theo Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An với giá trị công trình là 8.895.977.000 VND (Thuyết minh số 8).				
(**) Việc chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 được thực hiện theo Nghị quyết số 90/NQ-CT ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.				

18.2. Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ủy ban nhân dân tỉnh Long An	33.525.000.000	88,22%	33.525.000.000	88,22%
Các cổ đông khác	4.475.000.000	11,78%	4.475.000.000	11,78%
TỔNG CỘNG	38.000.000.000	100,00%	38.000.000.000	100,00%

18.3. Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Phân phối cổ tức		
Cổ tức công bố	5.557.058.338	5.551.491.402
Cổ tức đã trả	5.557.058.338	5.551.491.402

18.4. Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	3.800.000	3.800.000
Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000

Mệnh giá cổ phiếu đang được lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ phiếu này đang được niêm yết tại sàn giao dịch UPCOM với mã giao dịch KWA.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	22.057.151.296	19.172.768.245
Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích đô thị	18.176.641.097	15.701.401.422
Doanh thu thi công xây lắp	30.607.664.496	22.456.015.469
Doanh thu thi công công trình giao thông	8.444.502.371	11.739.635.994
Doanh thu dịch vụ tư vấn thiết kế	572.886.309	449.708.958
Doanh thu bán nước đóng chai	214.942.595	266.806.505
Doanh thu khác	506.858.494	836.012.973
TỔNG CỘNG	80.580.646.658	70.622.349.566

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước sinh hoạt	16.353.178.610	14.658.988.872
Giá vốn cung cấp dịch vụ công ích đô thị	11.703.862.815	10.839.739.703
Giá vốn thi công xây lắp	27.254.039.020	17.044.011.208
Giá vốn thi công công trình giao thông	8.213.669.874	10.483.163.737
Giá vốn dịch vụ tư vấn thiết kế	469.600.875	424.317.346
Giá vốn bán nước đóng chai	110.237.135	130.877.506
Giá vốn khác	42.272.008	114.017.982
TỔNG CỘNG	64.146.860.337	53.695.116.354

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	176.925.055	443.404.081
TỔNG CỘNG	176.925.055	443.404.081

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.287.023.272	1.848.608.070
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.142.000	45.257.000
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	228.754.176	213.754.176
Thuế, phí và lệ phí	163.237.219	151.842.304
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.352.730.904	1.729.194.391
TỔNG CỘNG	4.082.887.571	3.988.655.941

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Các khoản khác	-	369.282.554
	-	369.282.554
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	(34.684.749)	-
Các khoản khác	(8.880.000)	(2.655.046)
	(43.564.749)	(2.655.046)
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	(43.564.749)	366.627.508

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.260.680.747	8.827.117.055
Chi phí nhân công	18.663.398.894	18.236.085.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 8 và số 9)	4.186.998.915	4.143.894.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.896.666.589	23.825.310.135
Các chi phí khác	3.056.643.333	2.636.944.095
TỔNG CỘNG	73.064.388.478	57.669.350.936

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.484.259.056	13.748.608.860
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản phạt	34.684.749	-
Chi phí không được trừ khác	8.880.000	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	12.527.823.805	13.748.608.860
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.505.564.761	2.749.721.772

25.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

26. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

26.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Long An	Cổ đông lớn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Long An	Chi trả cổ tức	4.902.641.600	4.897.730.243

CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

26.2. Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

VND

		Thu nhập (*)	
Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		1.916.047.020	1.549.260.204
Ông Chung Văn Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	552.807.000	496.617.000
Bà Phan Thị Diệu Hiền	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	466.308.688	428.859.301
Bà Nguyễn Vũ Duy Hạnh	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	307.353.957	256.659.301
Ông Đỗ Hữu Nhã	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	364.388.688	320.859.301
Ông Lê Ngọc Châu	Thành viên	225.188.687	46.265.301
Ban Kiểm soát		385.978.967	323.765.116
Bà Ngô Kim Thanh Lan Trình	Trưởng ban kiểm soát	194.347.484	167.719.308
Bà Tăng Thị Thu Nhân	Thành viên	191.631.483	156.045.808
TỔNG CỘNG		2.302.025.987	1.873.025.320

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác được hưởng.

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế (VND) (*)	9.978.694.295	10.998.887.088
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(1.995.738.859)	(2.199.777.417)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.982.955.436	8.799.109.671
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	3.800.000	3.800.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	2.101	2.316
Lãi suy giảm	2.101	2.316

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2023 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 90/NQ-CT ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản tạm tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được mang sang từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh lại một số khoản mục trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Biên bản kiểm toán số 01/BBKT-DN ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán ngân sách địa phương và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Long An tại Công ty. Chi tiết các điều chỉnh như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm (Theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh	Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	[1] 131	17.918.028.216	372.000.000	18.290.028.216
Phải thu ngắn hạn khác	[5] 136	673.170.257	(131.411.691)	541.758.566
Chi phí trả trước dài hạn	[2] 261	526.585.054	1.835.877.217	2.362.462.271
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	[4] 313	2.001.888.677	470.754.025	2.472.642.702
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	[5] 322	-	216.012.947	216.012.947
Quỹ đầu tư phát triển	[5] 418	15.813.521.425	347.424.639	16.160.946.064
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	[5] 421b	5.557.058.338	1.042.273.915	6.599.332.253

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước (Theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh	Năm nay (Trình bày lại)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	[2] 11	55.530.993.571	(1.835.877.217)	53.695.116.354
Thu nhập khác	[1] 31	31.100.735	338.181.819	369.282.554
Chi phí khác	[3] 32	-	2.655.046	2.655.046
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	[4] 51	2.315.440.974	434.280.798	2.749.721.772
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	[5] 60	9.261.763.896	1.737.123.192	10.998.887.088

[1] Điều chỉnh tăng thu nhập khác và khoản phải thu dịch vụ quản lý nghĩa trang theo thông báo số 598/TB-PTCKH ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Mộc Hóa số tiền là 372.000.000 VND, đã bao gồm thuế Giá trị Gia tăng là 33.818.181 VND.

[2] Điều chỉnh giảm Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp số tiền 1.835.877.217 VND do giảm chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh phù hợp với nguyên tắc nhất quán theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

[3] Điều chỉnh tăng chi phí khác và tăng thuế Giá trị Gia tăng phải nộp số tiền 2.655.046 VND do kê khai giảm thuế suất 2% thuế Giá trị Gia tăng.

SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

- [4] Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 470.754.025 VND do Công ty tính lại thuế TNDN bổ sung do điều chỉnh các nội dung số [1], số [2] và số [3] (tăng lợi nhuận kế toán trước thuế số tiền 2.171.403.990 VND và tăng thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền 434.280.798 VND), và ảnh hưởng điều chỉnh thuế Giá trị Gia tăng tại nội dung số [1] và [3].
- [5] Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp tăng do các kết quả điều chỉnh nêu trên là 1.737.123.192 VND. Công ty thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Đầu tư phát triển với số tiền lần lượt là 216.012.947 VND và 347.424.639 VND, đồng thời điều chỉnh giảm phải thu khác do chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 131.411.691 VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại là 1.042.273.915 VND.


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước (Theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh	VND Năm nay (Trình bày lại)
Lợi nhuận trước thuế	01	11.577.204.870	2.171.403.990	13.748.608.860
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.136.133.952	(206.770.128)	1.929.363.824
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	5.314.598.711	2.655.046	5.317.253.757
Giảm chi phí trả trước	12	2.503.159.809	(1.835.877.217)	667.282.592
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.378.327.709)	(131.411.691)	(3.509.739.400)

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được điều chỉnh nên các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng được điều chỉnh lại tương ứng.

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.


Nguyễn Vũ Văn Anh
Kế toán trưởng - Người lập biểu
Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2025


Phan Thị Diệu Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG
DN: C=VN, S=LONG AN, L=Thị Xã Kiên Tường, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1
MST:1100583607
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.03.28 17:53:41+07'0
Foxit Reader Version: 10.1.0

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

Long An, Ngày 18 tháng 04 năm 2025



CHỦ TỊCH HĐQT
CHUNG VĂN MINH



CTCP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG



Số 119 Bạch Đằng, khu phố 2, Phường 2, Thị xã Kiến Tường,
Tỉnh Long An, Việt Nam



(0272) 3841 246



kwaco-capnuockientuong.com/